

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG BỐ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM
CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG 17/4/2026 Hằng

Kính gửi: Sở Xây dựng Thành phố Hà Nội

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/1/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng;

Căn cứ năng lực, thiết bị, nhân sự của Đơn vị;

Liên hiệp khảo sát địa chất - Xử lý nền móng công trình công bố công khai thông tin về năng lực hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

1. Thông tin Tên tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

1.1. Liên hiệp khảo sát địa chất - Xử lý nền móng công trình

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy phép đầu tư) số: 17/93/QĐHĐC cấp ngày 22 tháng 4 năm 1993 cơ quan cấp Hội địa chất Việt Nam (Nay là Tổng Hội Địa chất Việt Nam);

Địa chỉ: Tầng 2, số 80A, phố Láng Hạ, Phường Láng, thành phố Hà Nội.

Đại diện pháp luật: Ông Lương Xuân Hùng

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Mã số thuế: 0100283792

Điện thoại: 024 35563525

Website: www.lienhiepkhaosat.com.vn

Email: lienhiep72@gmail.com

1.2. Thông tin phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm Địa kỹ thuật – Kiểm định chất lượng công trình

Địa chỉ: Số 11 nhà C2 Tập thể Công ty cầu 6 Thăng Long, xã Thiên Lộc, thành phố Hà Nội;

Trưởng phòng thí nghiệm: Ông Hoàng Đức Việt

Điện thoại: 0987998686

Email: ducviet1983@gmail.com

(Kế thừa năng lực kinh nghiệm, thiết bị, nhân sự của Phòng thí nghiệm mã số LAS-XD HAN.008 do Sở Xây dựng thành phố Hà Nội cấp tại GCN số 52/GCN-SXD ngày 22/08/2025).

2. Thông tin năng lực chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

2.1. Danh mục các chỉ tiêu thí nghiệm và tiêu chuẩn kỹ thuật tương ứng:

(Danh sách kèm theo Quyết định này)

2.2. Danh mục thiết bị, máy móc: (Danh sách kèm theo Quyết định này)

2.3. Danh mục cán bộ, thí nghiệm viên: (Danh sách kèm theo Quyết định này)

2.4. Quyết định này được công bố công khai tại:

(Website): www.lienhiepkhaosat.com.vn

Liên hiệp khảo sát địa chất - Xử lý nền móng công trình cam kết thông tin công khai năng lực là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- SXD thành phố Hà Nội;
- Website trên;
- Lưu VP;
- Lưu PTN

**LIÊN HIỆP KHẢO SÁT ĐỊA CHẤT
XỬ LÝ NỀN MÓNG CÔNG TRÌNH**



TỔNG GIÁM ĐỐC
Lương Xuân Hùng

DANH MỤC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM VÀ TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT

(Kèm theo Quyết định số: Số: 50/2026/QĐ-LH, ngày 15 tháng 04 năm 2026 của

Liên hiệp khảo sát địa chất - Xử lý nền móng công trình)

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Máy móc, thiết bị
	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT TRONG PHÒNG		
1	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:2012	Tủ sấy, cân kỹ thuật, bình hút ẩm
2	Xác định khối lượng thể tích (dung trọng)	TCVN 4202:2012	Dao vòng, Cân kỹ thuật, sàng, tủ sấy
3	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:2014	Bộ sàng, máy nghiền đất, chày, cân kỹ thuật, tủ sấy
4	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:2012	Cân kỹ thuật, tủ sấy, tỷ trọng kế, cân phân tích
5	Xác định giới hạn chảy, giới hạn dẻo	TCVN 4197:2012	Cối sứ, chày bọc cao su, dụng cụ Casagrande, cân kỹ thuật, tủ sấy, dao
6	Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TCVN 4200:2012	Máy nén tam liên, tủ sấy, cân kỹ thuật, đồng hồ đo biến dạng
7	Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng	TCVN 4199:1995	Máy cắt phẳng, vòng cung lực, đồng hồ đo biến dạng
8	Xác định độ chặt tiêu chuẩn	TCVN 4201:2012	Cối đầm, chày đầm, tủ sấy, cân kỹ thuật, tủ sấy, đồng hồ đo biến dạng
9	Thí nghiệm sức chịu tải của đất (CBR) - Trong phòng thí nghiệm	TCVN 12792:2020	Máy nén CBR, Dao vòng, thước cặp, cân kỹ thuật, tủ sấy
10	Xác định góc nghỉ của đất rời (tự nhiên, bão hòa)	TCVN 8724:2012	Bộ thiết bị góc nghỉ tự nhiên, mâm tròn, cốc chia vạch
11	Xác định hàm lượng hữu cơ của đất	TCVN 8726:2012	Tủ sấy, bình hút ẩm, cân phân tích, ống đông
12	Xác định khối lượng thể tích lớn nhất, nhỏ nhất	TCVN 8721:2012	Ống đông thể tích, cối đầm, chày đầm, cân kỹ thuật
13	Xác định đặc trưng tan rã của đất	TCVN 8718:2012	Thiết bị chuyên dụng (phao nổi chuyên dụng có gắn quang treo), cân kỹ thuật

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Máy móc, thiết bị
14	Xác định đặc trưng co ngót của đất	TCVN 8720:2012	Cân kỹ thuật, thước cặp cơ khí, tủ sấy, sàng
	THỬ NGHIỆM CỐT LIỆU BÊ TÔNG VÀ VỮA		
15	Xác định thành phần hạt và modul độ lớn	TCVN 7572-2:2006	Cân kỹ thuật, bộ sàng tiêu chuẩn, máy lắc sàng, tủ sấy
16	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:2006	Cân kỹ thuật, tủ sấy, bình dung tích
17	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và hạt cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:2006	Cân thủy tĩnh, thùng ngâm mẫu, tủ sấy.
18	Xác định khối lượng thể tích xốp và độ hong	TCVN 7572-6:2006	Cân kỹ thuật, bộ sàng, tủ sấy, thước lá kim loại.
19	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:2006	Cân kỹ thuật, tủ sấy
20	Xác định hàm lượng bụi, bùn, sét trong cốt liệu lớn và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:2006	Cân kỹ thuật, tủ sấy, đồng hồ bấm giây
21	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:2006	Bếp cách thủy, thanh màu
22	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006	Cân kỹ thuật, thước kẹp, bộ sàng tiêu chuẩn, tủ sấy
23	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu và phong hóa trong đá dăm (sỏi)	TCVN 7572-17:2006	Cân kỹ thuật, tủ sấy, bộ sàng tiêu chuẩn
24	Xác định lượng hạt bị đập vỡ	TCVN 7572-18:2006	Cân kỹ thuật, thước kẹp, bộ sàng tiêu chuẩn, tủ sấy
25	Hàm lượng mica trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-20:2006	Tủ sấy, bộ sàng cát tiêu chuẩn
	THỬ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG		
26	Cọc PP thử nghiệm bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục	TCVN 9393:2012	Kích thủy lực, Bơm thủy lực, Đồng hồ áp, đồng hồ so
27	Thí nghiệm cọc bằng PP biến dạng lớn (PDA)	TCVN 11321:2016	Máy thử tải động biến dạng lớn móng cọc. HPT/PDA
28	Kiểm tra khuyết tật cọc bằng	TCVN 9397:2012	Máy kiểm tra độ nguyên dạng của cọc bằng phương

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Máy móc, thiết bị
	phương pháp biến dạng nhỏ (PIT)		pháp biến dạng nhỏ
29	Thí nghiệm nhỏ và nén ngang cọc	ASTM D3966-2007	Hệ thống gia tải, hệ thống đo tỉ trọng, thiết bị kéo, thiết bị đo lực kéo
30	Đánh giá độ bền của các kết cấu chịu uốn trên công trình bằng phương pháp thí nghiệm chất tải tĩnh	TCVN 9344:2012	Kích thủy lực, Bơm thủy lực, Đồng hồ áp, đồng hồ so
31	Xác định mô đun đàn hồi bằng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011	Bộ đo E bằng tấm ép cứng, đồng hồ biến dạng
32	Xác định mô đun đàn hồi bằng cần Benkenman	TCVN 8867:2011	Cần đo Benkelman, đồ hồ biến dạng, kích thủy lực
33	Độ bằng phẳng bằng thước 3m	TCVN 8864:2011	Bộ thước 3m
34	Độ ẩm, khối lượng thể tích của vật liệu trong lớp kết cấu (phương pháp dao đai)	TCVN 12791:2020	Bộ dao vòng, cân kỹ thuật
35	Khối lượng thể tích của vật liệu trong lớp kết cấu (phương pháp rót cát)	TCVN 8729:2012	Bộ dụng cụ rót cát, cân kỹ thuật
36	Kiểm tra độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:2011	Bộ thử độ nhám, cân kỹ thuật
37	Thí nghiệm xác định modul biến dạng tại hiện trường bằng tấm nén phẳng (Thí nghiệm nén nền)	TCVN 9354:2012	Tấm nén, kích thủy lực, thiết bị đo chuyển vị

Ghi chú (*): Các tiêu chuẩn kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm các tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.

DANH MỤC MÁY MÓC THIẾT BỊ

(Kèm theo Quyết định số: Số: 50/2026/QĐ-LH, ngày 15 tháng 04 năm 2026 của
Liên hiệp khảo sát địa chất - Xử lý nền móng công trình)

TT	Tên thiết bị, dụng cụ (**)	Số lượng	Đơn vị tính	Xuất xứ
1	Tủ sấy 300°C, dung tích 136 lít	01	Chiếc	Trung Quốc
2	Lò nung 1000°C/1200°C	01	Chiếc	Trung Quốc
3	Bể ổn nhiệt	01	Chiếc	Trung Quốc
4	Cân điện tử 300g x 0,01g / 600g x 0,01g / 5000g x 0,1g / 10kg x 0,1g / 150kg x 10g / 30kg x 1g / 150kg x 20g	11	Chiếc	Trung Quốc
5	Cân phân tích 210g x 0,0001	1	Chiếc	Trung Quốc
6	Cân kỹ thuật 3000g/0,1g – 0,01g; 150kg/20g	3	Chiếc	Trung Quốc
7	Cân cơ kỹ thuật 2610g/0,1g; 311g/0,01g	2	Chiếc	Trung Quốc
8	Kích đùn mẫu vụn năng 4” và 6”; Kích Trung Quốc 16 tấn	02	Bộ	Trung Quốc
9	Bàn cân thủy tĩnh tiêu chuẩn	02	Chiếc	Trung Quốc
10	Rọ cân thủy tĩnh 200x200	15	Chiếc	Việt Nam
11	Cân thủy tĩnh 5kg/0,1g	2	Chiếc	Việt Nam
12	Thiết bị tách mẫu 12,5mm / 25,4mm	4	Chiếc	Việt Nam
13	Bình xịt rửa 500 ml	50	Chiếc	Việt Nam
14	Búa sắt nhỏ / to	20	Chiếc	Việt Nam
15	Búa cao su	10	Chiếc	Việt Nam
16	Cối chày đồng	4	Bộ	Việt Nam
17	Chảo mẫu D400	20	Chiếc	Việt Nam
18	Chổi cho sàng mịn / thô	40	Chiếc	Việt Nam
19	Chổi sắt	20	Chiếc	Việt Nam
20	Chổi đồng sợi nhỏ	20	Chiếc	Việt Nam
21	Đũa thủy tinh	50	Chiếc	Việt Nam
22	Đục thép	20	Chiếc	Việt Nam
23	Kẹp mẫu inox	50	Chiếc	Việt Nam
24	Phễu nhựa D100mm	20	Chiếc	Việt Nam
25	Quạt hơi ẩm	04	Chiếc	Việt Nam

TT	Tên thiết bị, dụng cụ (**)	Số lượng	Đơn vị tính	Xuất xứ
26	Quả bóp cao su	10	Chiếc	Việt Nam
27	Bếp ga nhỏ đơn - LD	02	Chiếc	Việt Nam
28	Bếp điện gia nhiệt + khay (bếp cách cát)	02	Bộ	Việt Nam
29	Bát inox D100 / D180	100	Chiếc	Việt Nam
30	Bình khối lượng riêng 1000ml / 2000ml (bình tam giác cổ rộng)	60	Chiếc	Việt Nam
31	Bình tỉ trọng đất 100 ml	12	Chiếc	Việt Nam
32	Bình tỉ trọng xi măng 250ml	2	Cái	Việt Nam
33	Bộ kim vika	2	Bộ	Việt Nam
34	Bình tam giác 50ml / 100ml / 250ml / 500ml / 1000ml	150	Chiếc	Việt Nam
35	Bình tam giác có vòi 1000ml / 2000ml	60	Chiếc	Việt Nam
36	Bình định mức cổ dài 50ml / 100ml / 250ml / 500ml / 1000ml, không nắp	150	Chiếc	Việt Nam
37	Cốc đong thủy tinh có vòi 50 ml / 100 ml / 250 ml / 500 ml / 1000 ml	250	Chiếc	Việt Nam
38	Ống đong thủy tinh 50 ml / 100 ml / 250 ml / 500 ml / 1000 ml	250	Chiếc	Việt Nam
39	Bình hút ẩm D200 mm / D240 mm / D300 mm, bằng thủy tinh	90	Chiếc	Việt Nam
40	Bình hút chân không 2 lít	3	Bộ	Việt Nam
41	Ca xúc mẫu 500 ml / 1000 ml	100	Chiếc	Việt Nam
42	Cối chày sứ D80 – D100 mm - D150 mm	12	Chiếc	Việt Nam
43	Đồng hồ đo nhiệt độ, độ ẩm trong phòng	03	Chiếc	Việt Nam
44	Đồng hồ bấm giây điện tử	05	Chiếc	Việt Nam
45	Đồng hồ so 50x0,01mm / 25x0,01mm / 10mmx0,01 / 5x0,001	10	Chiếc	Việt Nam
46	Găng tay chịu nhiệt	30	Đôi	Việt Nam
47	Hộp nhôm D55x35 / D80x52	60	Chiếc	Việt Nam

TT	Tên thiết bị, dụng cụ (**)	Số lượng	Đơn vị tính	Xuất xứ
48	Kính lúp	5	Chiếc	Việt Nam
49	Khay nhôm 300x220x50	50	Chiếc	Việt Nam
50	Khay tôn 550x550x50 mm	50	Chiếc	Việt Nam
51	Nhiệt kế điện tử, model TP 10, khoảng đo từ -50 đến 300°C	10	Chiếc	Việt Nam
52	Nhiệt kế kim loại 100°C / 250°C / 350°C	15	Chiếc	Việt Nam
53	Nhiệt kế ASTM	1	Bộ	Việt Nam
54	Nhiệt kế thủy ngân 0 – 100, 300°C	5	Chiếc	Việt Nam
55	Phễu sứ có lưới lọc	10	Chiếc	Việt Nam
56	Phễu thủy tinh D100 / D150	20	Chiếc	Việt Nam
57	Pipette 5ml / 10ml / 25ml / 50ml	100	Chiếc	Việt Nam
58	Tỷ trọng kế 151H, 0.995 TO 1.038 g/ml	3	Chiếc	Việt Nam
59	Tỷ trọng kế 152H, -5 + 60 g/litre	3	Chiếc	Việt Nam
60	Thước đo độ thẳng bằng livo	10	Chiếc	Việt Nam
61	Thước kẹp 200mm	15	Chiếc	Việt Nam
62	Thước lá 500mm	20	Chiếc	Việt Nam
63	Thước thép 5m	10	Chiếc	Việt Nam
64	Thước tỉ lệ đo hạt dài dẹt theo ASTM	2	Chiếc	Việt Nam
65	Bơm chân không 650mmHg	4	Chiếc	Việt Nam
66	Ống cao su	50	Mét	Việt Nam
67	Quạt khí nóng	1	Chiếc	Việt Nam
68	Kẹp gấp thí nghiệm	1	Chiếc	Việt Nam
69	Găng tay amiang	2	Chiếc	Việt Nam
70	Đồng hồ áp chân không	10	Chiếc	Việt Nam

TT	Tên thiết bị, dụng cụ (**)	Số lượng	Đơn vị tính	Xuất xứ
71	Van đồng cho hệ thống hút chân không	10	Chiếc	Việt Nam
72	Can nhựa 5 lit / 10 lit	20	Chiếc	Việt Nam
73	Máy khoan bê tông D100	1	Chiếc	Trung Quốc
74	Kẹp lấy mẫu khoan D100	2	Chiếc	Việt Nam
75	Bánh xe đo chiều dài hiện trường	5	Chiếc	Việt Nam
76	Máy nén thủy lực 30 - 200 tấn (TYPE-2000)	1	Bộ	Trung Quốc
77	Máy nén tam liên đồng bộ phụ kiện	2	Bộ	Trung Quốc
78	Máy thử độ mài mòn Los Angeles	01	Chiếc	Việt Nam
79	Khay hứng mẫu Los Angeles	10	Chiếc	Trung Quốc
80	Viên bi chuẩn Los Angeles	48	Viên	Việt Nam
81	Bộ xi lanh nén đập đá dăm D150 / D100 / D75	36	Bộ	Việt Nam
82	Phễu xác định độ xốp của đá	5	Chiếc	Việt Nam
83	Phễu xác định độ xốp của cát	6	Chiếc	Việt Nam
84	Thùng dung trọng 1 lít / 2 lít / 3 lít / 5 lít / 10 lít / 15 lít / 20 lít (hộc đóng)	30	Chiếc	Việt Nam
85	Thiết bị xác định hàm lượng sét của đá (bình rửa đá)	3	Chiếc	Việt Nam
86	Thiết bị xác định hàm lượng sét của cát (bình rửa cát)	5	Chiếc	Việt Nam
87	Bảng màu chuẩn	40	Chiếc	Việt Nam
88	Dụng cụ hấp phụ nước của cát (bộ côn chày hấp phụ nước của cát)	4	Bộ	Việt Nam
89	Bộ kim sắt xác định độ phong hóa của đá (3 chiếc/bộ)	4	Bộ	Việt Nam
90	Máy khuấy điện siêu tốc thí nghiệm	4	Chiếc	Việt Nam
91	Bộ xác định đương lượng cát	4	Bộ	Việt Nam
92	Cát tiêu chuẩn	20	Kg	Việt Nam

TT	Tên thiết bị, dụng cụ (**)	Số lượng	Đơn vị tính	Xuất xứ
93	Máy lắc đương lượng cát tiêu chuẩn	2	Chiếc	Việt Nam
94	ống nhựa tiêu chuẩn dùng để lắc đương lượng cát	8	Chiếc	Việt Nam
95	Sàng rửa ướn D200x200mm	10	Chiếc	Việt Nam
96	Đáy + nắp sàng rửa ướn D200	10	Chiếc	Việt Nam
97	Bộ sàng đá tiêu chuẩn D200mm, các loại kích cỡ: 75.0mm; 60.0mm; 50.0mm; 40.0mm; 30.0mm; 25.0mm; 20.0mm; 15.0mm; 10.0mm; 5000.0mm; 3000.0mm	15	Chiếc	Việt Nam
98	Bộ sàng đá cấp phối D200mm, các loại kích cỡ: 50.0mm; 37.5mm; 25.0mm; 19.0mm; 9.500mm; 4.750mm; 2.360mm; 0.425mm; 0.075mm	20	Chiếc	Việt Nam
99	Bộ sàng cốt liệu BTN D200mm, các loại kích cỡ: 37.5mm; 25.0mm; 20.0mm; 19.0mm; 12.5mm; 9.500mm; 4.750mm; 2.360mm; 1.180mm; 0.6mm; 0.3mm; 0.15mm; 0.075mm	30	Chiếc	Việt Nam
100	Bộ sàng cát tiêu chuẩn D300mm, các loại kích cỡ: 10.0mm; 5.000mm; 2.500mm; 1.250mm; 0.630mm; 0.315mm; 0.140mm	10	Chiếc	Việt Nam
101	Bộ sàng đất tiêu chuẩn D300mm, các loại kích cỡ: 10.0mm; 5.000mm; 2.000mm; 1.000mm; 0.500mm; 0.250mm; 0.100mm	10	Chiếc	Việt Nam
102	Bộ sàng đá tiêu chuẩn D300mm, các loại kích cỡ: 75.0mm; 60.0mm; 50.0mm; 40.0mm; 30.0mm; 25.0mm; 20.0mm; 15.0mm; 10.0mm; 5.000mm; 3.000mm	10	Chiếc	Việt Nam
103	Bộ sàng đá cấp phối D300mm, các loại kích cỡ: 50.0mm; 37.5mm; 25.0mm; 19.0mm; 9.500mm; 4.750mm; 2.360mm; 0.425mm; 0.075mm	10	Chiếc	Việt Nam
104	Bộ sàng cốt liệu BTN D300mm, các loại kích cỡ: 37.5mm; 25.0mm; 20.0mm; 19.0mm; 12.5mm; 9.500mm; 4.750mm; 2.360mm; 1.180mm; 0.600mm; 0.300mm; 0.150mm; 0.075mm;	10	Chiếc	Việt Nam
105	Bộ sàng tiêu chuẩn F200 các cỡ	15	Cái	Việt Nam
106	Đáy + nắp cho sàng D200mm, D300mm	60	Bộ	Việt Nam

TT	Tên thiết bị, dụng cụ (**)	Số lượng	Đơn vị tính	Xuất xứ
107	Máy lắc sàng D200/D300	1	Chiếc	Việt Nam
108	Khuôn lập phương 15x15x15cm	6	Cái	Việt Nam
109	Khuôn trụ f150x300mm	5	Cái	Việt Nam
110	Khuôn uốn mẫu bê tông 150x150x600mm	3	Cái	Việt Nam
111	Bàn dần quay tay đồng bộ	2	Bộ	Việt Nam
112	Thước đo hạt dài dẹt, tỉ lệ 1:3	2	Chiếc	Việt Nam
113	Bộ dụng cụ xác định góc nghỉ tự nhiên của cát	4	Bộ	Việt Nam
114	Thiết bị xác định góc cạnh của cát	1	Bộ	Việt Nam
115	Máy nén ba trục	1	Bộ	Trung Quốc
116	Máy nén CBR	1	Bộ	Trung Quốc
117	Máy nén 1 trục nở hông	1	Bộ	Trung Quốc
118	Máy siêu âm cọc khoan nhồi	1	Bộ	Trung Quốc
119	Máy thí nghiệm PDA	1	Bộ	Trung Quốc
120	Máy nén 100 KN	1	Bộ	Trung Quốc
121	Máy thử PIT	1	Bộ	Trung Quốc
122	Dao gạt mẫu 300x30x3 (dao gạt đất)	10	Chiếc	Việt Nam
123	Giấy lọc tiêu chuẩn D150 (100 tờ/hộp)	10	Hộp	Việt Nam
124	Bộ thí nghiệm giới hạn dẻo của đất	1	Bộ	Việt Nam
125	Tấm kính nhám 300x250x8mm (tấm kính xác định giới hạn dẻo của đất)	6	Chiếc	Việt Nam
126	Thiết bị xác định giới hạn chảy Casagrande	2	Chiếc	Việt Nam
127	Cối Proctor tiêu chuẩn và cải tiến	4	Chiếc	Trung Quốc
128	Chày proctor tiêu chuẩn và cải tiến	4	Chiếc	Trung Quốc
129	Bộ Vaxilieps	4	Bộ	Trung Quốc

TT	Tên thiết bị, dụng cụ (**)	Số lượng	Đơn vị tính	Xuất xứ
130	Máy cắt đất 2 / 3 tốc độ	2	Chiếc	Trung Quốc
131	Hộp thăm đất Nam Kinh	2	Hộp	Trung Quốc
132	Bộ thăm cột nước không đổi	2	Bộ	Trung Quốc
133	Bộ trưng nở đất	2	Bộ	Trung Quốc
134	Bảng cột thăm nước 1 mẫu (đơn)	2	Chiếc	Trung Quốc
135	ống thủy tinh cho cột thăm nước dài > 1m	10	Chiếc	Trung Quốc
136	Dao cắt đất 30cm ² , 50cm ²	100	Chiếc	Trung Quốc
137	Đá thăm đất 30cm ² , 50cm ²	100	Chiếc	Trung Quốc
138	Bộ thí nghiệm Bentonite	3	Bộ	Trung Quốc
139	Cung lực 30KN hoặc 5KN, đồng hồ chỉ thị dịch chuyển 5x0,001mm	1	Chiếc	Trung Quốc
140	Cung lực 28KN, đồng hồ chỉ thị dịch chuyển 5x0,002mm	1	Chiếc	Trung Quốc
141	Cung lực 1KN / 1,2KN / 3KN / 5KN / 10KN / 20KN / 50KN – Dial 0,01mm	10	Chiếc	Trung Quốc
142	Bộ xuyên tiêu chuẩn SPT	2	Bộ	Việt Nam
143	Cần nối D34x dài 1m, gien côn tiêu chuẩn 2 đầu	20	Chiếc	Việt Nam
144	Cút nối gien côn âm dùng cho máy khoan	20	Chiếc	Việt Nam
145	Thiết bị thí nghiệm thăm của đất, cát	2	Bộ	Việt Nam
146	Súng bắn bê tông	1	Chiếc	Trung Quốc
147	Máy siêu âm bê tông	1	Bộ	Italia
148	Máy định vị cốt thép Profometer	1	Bộ	Italia
149	Búa thử độ cứng bê tông	1	Bộ	Trung Quốc
150	Mẫu chuẩn dùng để kiểm tra sự hoạt động của máy PM-600 khi cần thiết. Code 39000270	1	Chiếc	Việt Nam
151	Bộ đo E bằng tấm ép tĩnh	2	Bộ	Việt Nam

TT	Tên thiết bị, dụng cụ (**)	Số lượng	Đơn vị tính	Xuất xứ
152	Bộ xác định nhanh độ ẩm 26g	1	Bộ	Việt Nam
153	Ca thuốc thử độ ẩm nhanh 1kg/hộp	4	Hộp	Việt Nam
154	Tấm ép cứng D760mm/D610mm/D450mm của bộ đo E	6	Chiếc	Việt Nam
155	Bộ dao vòng lấy mẫu đất	8	Bộ	Việt Nam
156	Luỡi dao đai chuẩn D85xD89xH110	10	Chiếc	Việt Nam
157	Phễu rót cát hiện trường	10	Bộ	Việt Nam
158	Cát chuẩn kiểm tra độ chặt 0,3mm – 0,6mm	150	Kg	Việt Nam
159	Calipper cho thước 3m (ke đo độ võng)	10	Chiếc	Việt Nam
160	Thước phẳng 3m + nêm đo độ phẳng	2	Bộ	Việt Nam
161	Thước 3m với thước đo độ võng, loại gấp đôi	2	Chiếc	Việt Nam
162	Bộ xác định độ nhám mặt đường bằng PP rắc cát	4	Bộ	Việt Nam
163	Kích ép cọc 200 tấn, bơm tay rời	1	Chiếc	Trung Quốc
164	Kích thủy lực 300 tấn, hành trình 150	1	Chiếc	Trung Quốc
165	Đồng hồ so đo độ lún ép cọc 50x0,01mm	2	Chiếc	Trung Quốc
166	Gá từ giữ đồng hồ so	8	Chiếc	Trung Quốc
167	Bơm thủy lực bằng tay 2 đường ra	2	Chiếc	Trung Quốc
168	Bơm dầu bằng động cơ điện, 1 vòi, van tay gạt	2	Chiếc	Trung Quốc
169	Bộ CBR hiện trường	2	Bộ	Trung Quốc
170	Bộ xuyên tĩnh	4	Bộ	Trung Quốc
171	Bộ xuyên tiêu chuẩn	6	Bộ	Trung Quốc
172	Kẹp lấy mẫu khoan D100	15	Chiếc	Trung Quốc
173	Máy khoan lấy mẫu bê tông	1	Chiếc	Hàn Quốc
174	Bộ cần Benkelman	2	Bộ	Việt Nam

TT	Tên thiết bị, dụng cụ (**)	Số lượng	Đơn vị tính	Xuất xứ
175	Bộ xuyên động DCP	2	Bộ	Trung Quốc
176	Bộ cắt cánh hiện trường	1	Bộ	Na Uy
177	Máy uốn kéo nén vạm năng 1000KN	1	Chiếc	Trung Quốc
178	Gối uốn thép đường kính 50x100mm / 60x100mm / 70x100mm / 80x100mm	4	Chiếc	Trung Quốc
179	Gá trên uốn thép	2	Chiếc	Trung Quốc
180	Bộ gá kê bu lông (10 cỡ)	1	Bộ	Trung Quốc
181	Máy nén bê tông 2000KN	1	Chiếc	Trung Quốc

*Ghi chú: (**) Các thiết bị máy móc sẽ được cập nhật mới và liên tục ngay sau khi Công ty được trang bị thiết bị máy móc bổ sung mới cho phòng thí nghiệm.*

DANH SÁCH CÁN BỘ, THÍ NGHIỆM VIÊN

(Kèm theo Quyết định số: Số: 50/2026/QĐ-LH, ngày 15 tháng 04 năm 2026 của

Liên hiệp khảo sát địa chất - Xử lý nền móng công trình)

TT	Họ và tên (***)	Năm sinh	Trình độ chuyên môn	Công việc được giao	Kinh nghiệm
1	Hoàng Đức Việt	18/10/1981	- Kỹ sư địa chất công trình; - Chứng chỉ thí nghiệm hiện trường kiểm tra độ toàn vẹn và sức chịu tải của cọc - Chứng nhận tham dự khóa đào tạo nghiệp vụ quản lý phòng thí nghiệm theo Tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017; - Chứng nhận tham gia khóa đào tạo nhận thức chung về quản lý PTN và tiêu chuẩn ISO/IEC 17025-2017	- Trưởng phòng thí nghiệm; - Quản lý, điều hành hoạt động sản xuất phòng thí nghiệm	19 năm
2	Nguyễn Văn Cường	04/10/1991	- Chứng chỉ thí nghiệm Phương pháp xác định các tính chất cơ - lý của đất trong phòng và hiện trường	- Thí nghiệm viên; - Xác định các chỉ tiêu cơ lý của: đất trong phòng và hiện trường	15 năm
3	Vi Văn Thành	19/05/1991	- Kỹ sư địa chất công trình; - Chứng chỉ thí nghiệm hiện trường kiểm tra độ toàn vẹn và sức chịu tải của cọc	- Thí nghiệm viên; - Thí nghiệm hiện trường kiểm tra độ toàn vẹn và sức chịu tải của cọc	1 năm
4	Cao Văn Đạt	11/09/1984	- Bằng nghề thí nghiệm vật liệu đường bộ	- Thí nghiệm viên; - Xác định các chỉ tiêu cơ lý của đất, cốt liệu, thí nghiệm hiện trường	20 năm

Ghi chú: (***) Các nhân sự phòng thí nghiệm sẽ cập nhật mới và liên tục ngay sau khi Công ty có nhân sự thí nghiệm mới bổ sung cho phòng thí nghiệm.